

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN**  
**ĐIỆN MIỀN TRUNG**

## **MỤC LỤC**

|                                                                                                                  | <b>Trang</b>   |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| <b>1. Mục lục</b>                                                                                                | <b>1</b>       |
| <b>2. Báo cáo của Tổng Giám đốc</b>                                                                              | <b>2 - 3</b>   |
| <b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>                                                                              | <b>4</b>       |
| <b>4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>                                            | <b>5 - 8</b>   |
| <b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất<br/>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</b> | <b>9</b>       |
| <b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất<br/>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>           | <b>10 - 11</b> |
| <b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất<br/>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>    | <b>12 - 35</b> |

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ” hoặc “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con (gọi chung là “nhóm Công ty”).

**Khái quát về Công ty**

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200519791, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 04 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã dự án số 37121000136 ngày 24 tháng 12 năm 2008 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 06 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc tăng vốn điều lệ, thay đổi số lượng cổ phần nắm giữ của các cổ đông sáng lập, thay đổi người đại diện theo pháp luật. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 06 ngày 20 tháng 08 năm 2018 về việc tăng vốn điều lệ từ 200.000.000.000 VND lên 319.999.690.000 VND.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 08/QĐ-TTGDHN ngày 07/01/2009 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán SEB. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là ngày 14/01/2009.

**Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Điện thoại : 058.3878092
- Fax : 058.3878093

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Bộ phận Kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

| Họ và tên               | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm            |
|-------------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Đinh Quang Chiến    | Chủ tịch   | Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2018 |
| Ông Nguyễn Hoài Nam     | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2018 |
| Ông Vũ Quang Sáng       | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2018 |
| Bà Đinh Thu Thủy        | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2018     |
| Ông Nguyễn Minh Tiến    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2018     |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Thu | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2018     |

**Bộ phận Kiểm toán nội bộ**

| Họ và tên                | Chức vụ           | Ngày bổ nhiệm            |
|--------------------------|-------------------|--------------------------|
| Ông Nguyễn Minh Tiến     | Phụ trách bộ phận | Ngày 14 tháng 6 năm 2021 |
| Bà Lữ Thị Chinh          | Thành viên        | Ngày 14 tháng 6 năm 2021 |
| Bà Nguyễn Thị Phương Lan | Thành viên        | Ngày 14 tháng 6 năm 2021 |

**Ban kiểm soát**

| Họ và tên           | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm            |
|---------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Trịnh Giang Nam | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2018 |
| Ông Lê Kỳ Anh       | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2018     |
| Ông Bạch Đức Huyền  | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2018     |



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG**  
**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc của Công ty là Ông Nguyễn Hoài Nam (tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 03 năm 2019).

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hoài Nam - Tổng Giám đốc.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của nhóm Công ty.

**Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của nhóm Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của nhóm Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của nhóm Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của nhóm Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Nguyễn Hoài Nam**

Ngày 14 tháng 3 năm 2022



SỐ: 2.0163/22/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") và Công ty con (gọi chung là "nhóm Công ty"), được lập ngày 14 tháng 3 năm 2022, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2022

**Trần Kim Anh - Kiểm toán viên**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1907-2018-008-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| <b>TÀI SẢN</b>                                      | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>Số cuối năm</b>     | <b>Số đầu năm</b>      |
|-----------------------------------------------------|--------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b>   |                    | <b>142.347.505.822</b> | <b>119.614.777.670</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b>   | <b>V.1</b>         | <b>71.672.184.667</b>  | <b>30.585.350.075</b>  |
| 1. Tiền                                             | 111          |                    | 21.672.184.667         | 5.585.350.075          |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112          |                    | 50.000.000.000         | 25.000.000.000         |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b>   |                    | <b>18.000.000.000</b>  | <b>24.500.000.000</b>  |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121          |                    | -                      | -                      |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122          |                    | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123          | V.2                | 18.000.000.000         | 24.500.000.000         |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b>   |                    | <b>49.200.197.663</b>  | <b>60.542.765.143</b>  |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131          | V.3                | 45.783.553.005         | 52.006.583.754         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132          | V.4                | 2.086.487.882          | 1.903.879.982          |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133          |                    | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134          |                    | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135          |                    | -                      | -                      |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136          | V.5                | 2.813.864.358          | 8.116.008.989          |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137          | V.6                | (1.483.707.582)        | (1.483.707.582)        |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139          |                    | -                      | -                      |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b>   |                    | <b>3.088.789.576</b>   | <b>3.525.449.413</b>   |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141          | V.7                | 3.088.789.576          | 3.525.449.413          |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149          |                    | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b>   |                    | <b>386.333.916</b>     | <b>461.213.039</b>     |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151          | V.8a               | 386.333.916            | 411.044.890            |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152          |                    | -                      | -                      |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153          | V.14               | -                      | 50.168.149             |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154          |                    | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155          |                    | -                      | -                      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| TÀI SẢN                                         | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|                                                 |            |             |                        |                        |
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      | <b>200</b> |             | <b>607.618.584.027</b> | <b>651.230.483.147</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                      | -                      |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        |             | -                      | -                      |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>540.896.583.169</b> | <b>579.833.563.746</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.9         | 530.668.359.613        | 569.558.141.682        |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 222        |             | 1.065.456.917.269      | 1.061.170.094.969      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 223        |             | (534.788.557.656)      | (491.611.953.287)      |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                      | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 225        |             | -                      | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.10        | 10.228.223.556         | 10.275.422.064         |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 228        |             | 11.171.258.705         | 11.171.258.705         |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 229        |             | (943.035.149)          | (895.836.641)          |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                      | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 231        |             | -                      | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 232        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | <b>213.077.459</b>     | <b>213.077.459</b>     |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        | V.11        | 213.077.459            | 213.077.459            |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                      | -                      |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        |             | -                      | -                      |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | -                      | -                      |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                      | -                      |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>66.508.923.399</b>  | <b>71.183.841.942</b>  |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.8b        | 60.728.815.936         | 66.129.514.604         |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                      | -                      |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        | V.12        | 5.780.107.463          | 5.054.327.338          |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                      | -                      |
| 5. Lợi thế thương mại                           | 269        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>749.966.089.849</b> | <b>770.845.260.817</b> |

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| NGUỒN VỐN                                           | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|                                                     |            |             |                        |                        |
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>195.321.769.999</b> | <b>264.680.270.687</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>54.307.007.544</b>  | <b>65.251.744.874</b>  |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.13        | 5.780.699.945          | 5.629.180.107          |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        |             | -                      | -                      |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.14        | 14.797.997.621         | 11.875.814.209         |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        |             | 1.291.479.950          | 1.299.956.358          |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.15        | 3.143.152.670          | 8.925.403.618          |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                      | -                      |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                      | -                      |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.16        | 823.716.055            | 684.993.304            |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.17a       | 20.130.000.000         | 30.897.500.000         |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                      | -                      |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.18        | 8.339.961.303          | 5.938.897.278          |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                      | -                      |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>141.014.762.455</b> | <b>199.428.525.813</b> |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                      | -                      |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                      | -                      |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                      | -                      |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        |             | -                      | -                      |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        | V.17b       | 141.014.762.455        | 199.428.525.813        |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                      | -                      |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                      | -                      |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                      | -                      |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                      | -                      |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                      | -                      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| NGUỒN VỐN                                       | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                 | <b>400</b> |             | <b>554.644.319.850</b> | <b>506.164.990.130</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                        | <b>410</b> | <b>V.19</b> | <b>554.644.319.850</b> | <b>506.164.990.130</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                       | 411        |             | 319.999.690.000        | 319.999.690.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 319.999.690.000        | 319.999.690.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                               | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                         | 412        |             | -                      | -                      |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu             | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                      | 414        |             | -                      | -                      |
| 5. Cổ phiếu quỹ                                 | 415        |             | -                      | -                      |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản              | 416        |             | -                      | -                      |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                   | 417        |             | -                      | -                      |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                        | 418        |             | 9.725.778              | 5.514.413.118          |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp              | 419        |             | -                      | -                      |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu               | 420        |             | 184.975.286            | 2.707.330.248          |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        |             | 103.543.275.464        | 61.111.561.137         |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước  | 421a       |             | 40.641.045.314         | 61.111.561.137         |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                    | 421b       |             | 62.902.230.149         | -                      |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản            | 422        |             | -                      | -                      |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát             | 429        |             | 130.906.653.323        | 116.831.995.628        |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>           | <b>430</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Nguồn kinh phí                               | 431        |             | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                      | <b>440</b> |             | <b>749.966.089.849</b> | <b>770.845.260.817</b> |

Lập, ngày 14 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Hoàng Thị Thanh Vân

Lê Quang Đạo

Nguyễn Hoài Nam



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                               | Mã số | Thuyết minh | Năm nay                | Năm trước              |
|--------------------------------------------------------|-------|-------------|------------------------|------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ              | 01    | VI.1        | 305.427.281.253        | 260.097.914.802        |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                        | 02    |             | -                      | -                      |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ     | 10    |             | 305.427.281.253        | 260.097.914.802        |
| 4. Giá vốn hàng bán                                    | 11    | VI.2        | 103.362.737.508        | 99.683.672.205         |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ       | 20    |             | 202.064.543.745        | 160.414.242.597        |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                       | 21    | VI.3        | 2.695.155.536          | 2.552.634.589          |
| 7. Chi phí tài chính                                   | 22    | VI.4        | 14.466.592.646         | 21.143.995.881         |
| Trong đó: chi phí lãi vay                              | 23    |             | 14.465.342.646         | 21.134.933.381         |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24    |             | -                      | -                      |
| 9. Chi phí bán hàng                                    | 25    |             | -                      | -                      |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                       | 26    | VI.5        | 11.152.094.902         | 11.505.203.538         |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh            | 30    |             | 179.141.011.733        | 130.317.677.767        |
| 12. Thu nhập khác                                      | 31    | VI.6        | 769.872.550            | 348.092.578            |
| 13. Chi phí khác                                       | 32    | VI.7        | 111.316.213            | 177.746.464            |
| 14. Lợi nhuận khác                                     | 40    |             | 658.556.337            | 170.346.114            |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                  | 50    |             | 179.799.568.070        | 130.488.023.881        |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành       | 51    |             | 15.912.528.265         | 8.946.090.485          |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại        | 52    |             | -                      | -                      |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp           | 60    |             | <u>163.887.039.805</u> | <u>121.541.933.396</u> |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ                  | 61    |             | <u>148.558.700.100</u> | <u>118.294.975.098</u> |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát     | 62    |             | <u>15.328.339.705</u>  | <u>3.246.958.297</u>   |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                           | 70    | VI.8        | <u>4.409</u>           | <u>3.512</u>           |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                         | 71    | VI.8        | <u>4.409</u>           | <u>3.512</u>           |

Lập, ngày 14 tháng 3 năm 2022

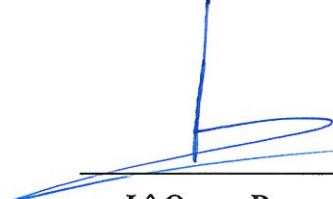
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Thanh Vân



Lê Quang Đạo



Nguyễn Hoài Nam

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                                   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                | Năm trước              |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
|                                                                                            |           |             |                        |                        |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                                          |           |             |                        |                        |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                                    | 01        |             | 179.799.568.070        | 130.488.023.881        |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:                                                               |           |             |                        |                        |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư                                          | 02        | V.9,10      | 43.468.002.877         | 43.947.843.822         |
| - Các khoản dự phòng                                                                       | 03        |             | -                      | -                      |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        | VI.3        | (183.763.358)          | (35.349.201)           |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                              | 05        | VI.3        | (2.458.345.491)        | (2.500.570.154)        |
| - Chi phí lãi vay                                                                          | 06        | VI.4        | 14.465.342.646         | 21.134.933.381         |
| - Các khoản điều chỉnh khác                                                                | 07        |             | -                      | -                      |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08        |             | 235.090.804.744        | 193.034.881.729        |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                            | 09        |             | 11.244.113.549         | (7.312.311.714)        |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                  | 10        |             | (289.120.288)          | 2.320.000.141          |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả                                                            | 11        |             | (5.178.105.585)        | 931.873.043            |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước                                                             | 12        |             | 5.425.409.642          | 4.342.091.928          |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh                                                        | 13        |             | -                      | -                      |
| - Tiền lãi vay đã trả                                                                      | 14        |             | (20.039.593.594)       | (16.214.204.317)       |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                        | 15        | V.14        | (12.355.132.187)       | (9.604.411.784)        |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                                    | 16        |             | -                      | 558.637.560            |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                                   | 17        | V.18        | (7.406.748.360)        | (4.971.173.023)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | <b>20</b> |             | <b>206.491.627.921</b> | <b>163.085.383.563</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                             |           |             |                        |                        |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21        |             | -                      | (105.363.636)          |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22        |             | -                      | -                      |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23        |             | (43.320.000.000)       | (24.500.000.000)       |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24        |             | 49.820.000.000         | 21.700.000.000         |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                 | 25        |             | -                      | -                      |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                             | 26        |             | -                      | -                      |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27        |             | 2.606.967.571          | 2.603.183.604          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                           | <b>30</b> |             | <b>9.106.967.571</b>   | <b>(302.180.032)</b>   |



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

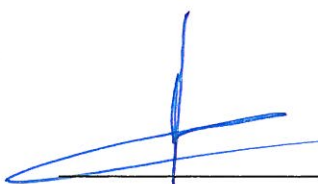
| CHỈ TIÊU                                                                                   | Mã số | Thuyết minh | Năm nay           | Năm trước         |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|-------------------|-------------------|
|                                                                                            |       |             |                   |                   |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính                                                |       |             |                   |                   |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31    |             | -                 | -                 |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32    |             | -                 | -                 |
| 3. Tiền thu từ đi vay                                                                      | 33    | V.17        | 11.900.000.000    | -                 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay                                                                     | 34    | V.17        | (80.897.500.000)  | (49.303.710.842)  |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính                                                          | 35    |             | -                 | -                 |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                 | 36    |             | (105.514.260.900) | (121.507.466.200) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính                                               | 40    |             | (174.511.760.900) | (170.811.177.042) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm                                                            | 50    |             | 41.086.834.592    | (8.027.973.511)   |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm                                                           | 60    | V.1         | 30.585.350.075    | 38.613.323.586    |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61    |             | -                 | -                 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm                                                          | 70    | V.1         | 71.672.184.667    | 30.585.350.075    |

Người lập biểu



Hoàng Thị Thanh Vân

Kế toán trưởng



Lê Quang Đạo

Lập, ngày 14 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoài Nam

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là Công ty cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh điện.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của nhóm Công ty là: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của nhóm Công ty không quá 12 tháng.

##### 5. Cấu trúc nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

##### *Công ty con được hợp nhất*

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty con là Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom có trụ sở chính tại thôn K8, xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 69,8% (không thay đổi so với số đầu năm).

##### 6. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam, do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh chính của nhóm Công ty là lĩnh vực sản xuất, truyền tải và phân phối điện không chịu tác động đáng kể của dịch Covid-19. Nhìn chung, năm 2021 nhóm Công ty vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng tốt, hoàn thành vượt so với kế hoạch được giao. Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của nhóm Công ty cũng như các ảnh hưởng đến tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

##### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính có 84 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong nhóm Công ty (số đầu năm là 86 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và Công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Công ty mẹ đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Nhóm Công ty và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi nhóm Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch).



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 5. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

### 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa nhóm Công ty và người mua là đơn vị độc lập với nhóm Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Đối với hàng tồn kho là nguyên vật liệu, giá gốc được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của nhóm Công ty chủ yếu bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### *Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng*

Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định canh và tái định cư phục vụ việc xây dựng công trình Nhà máy thủy điện được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê đất (Xem thuyết minh V.8b).

### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 10 – 30       |
| Máy móc và thiết bị             | 03 – 20       |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05 – 15       |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 – 05       |
| Tài sản cố định khác            | 10            |



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của nhóm Công ty bao gồm:

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế nhóm Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của nhóm Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (45 năm).
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

#### ***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong từ 03 đến 06 năm.

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với nhóm Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 13. **Vốn chủ sở hữu**

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

### 14. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 15. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### *Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được ghi nhận căn cứ vào hồ sơ xác nhận sản lượng điện năng phát vào lưới điện quốc gia và đơn giá được quy định tại các Hợp đồng kinh tế ký kết với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung. Đơn giá cụ thể áp dụng theo biểu giá chi phí tránh được do Cục Điều tiết Điện lực Việt Nam ban hành hàng năm.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 16. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### 17. **Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 18. **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                                                                               | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt                                                                      | 71.596.320            | 196.811.947           |
| Tiền gửi ngân hàng                                                            | 21.600.588.347        | 5.388.538.128         |
| Các khoản tương đương tiền ( <i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i> ) | 50.000.000.000        | 25.000.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                                                   | <b>71.672.184.667</b> | <b>30.585.350.075</b> |

### 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng Thương mại, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất từ 5,5% đến 5,55%/năm.

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Là khoản phải thu bên liên quan - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (Cổ đông lớn) về bán điện thương phẩm.

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

|                                                         | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|---------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 (*)              | 400.172.400          | 400.172.400          |
| Công ty TNHH Huy Quang (**)                             | 362.293.380          | 362.293.380          |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng (**)                 | 334.303.152          | 334.303.152          |
| Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Trọng Khôi (**) | 600.000.000          | 600.000.000          |
| Các nhà cung cấp khác                                   | 389.718.950          | 207.111.050          |
| <b>Cộng</b>                                             | <b>2.086.487.882</b> | <b>1.903.879.982</b> |

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(\*) Là khoản tạm ứng 30% giá trị theo hợp đồng dịch vụ tư vấn số 12/HĐTV-PECC4 ngày 22/11/2017 về việc lập báo cáo bổ sung quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016-2025, có xét đến 2035, khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi và các báo cáo chuyên ngành của Dự án Nhà máy Điện mặt trời khu vực Nhà máy Thủy điện Ea Krong Rou, tỉnh Khánh Hòa. Đến thời điểm hiện tại, hợp đồng đang thực hiện dở dang.

(\*\*) Các khoản ứng trước cho nhà cung cấp được nhóm Công ty xác định là không có khả năng thu hồi và đã được trích lập dự phòng 100% (xem thuyết minh số V.6).

### 5. Phải thu ngắn hạn khác

|                                                        | Số cuối năm          |          | Số đầu năm           |          |
|--------------------------------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
|                                                        | Giá trị              | Dự phòng | Giá trị              | Dự phòng |
| <b>Phải thu các bên liên quan</b>                      | <b>6.789.500</b>     | -        | <b>6.789.500</b>     | -        |
| Ông Đinh Quang Chiến - Thuế TNCN đã khấu trừ và nộp hộ | 6.789.500            | -        | 6.789.500            | -        |
| <b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>            | <b>2.807.074.858</b> | -        | <b>8.109.219.489</b> | -        |
| Ông Dương Quốc Bình - Tạm ứng                          | 1.715.500.000        | -        | 1.715.500.000        | -        |
| Tạm ứng cho các cá nhân khác                           | 582.756.519          | -        | 605.468.494          | -        |
| Phải thu các hạng mục Thủy Điện Trà Xom                | -                    | -        | 4.989.433.577        | -        |
| Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn                          | 400.666.770          | -        | 549.288.850          | -        |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác                       | 108.151.569          | -        | 249.528.568          | -        |
| <b>Cộng</b>                                            | <b>2.813.864.358</b> | -        | <b>8.116.008.989</b> | -        |

### 6. Nợ xấu

Các khoản nợ xấu sau đây đều có thời gian quá hạn trên 3 năm và đã được trích lập dự phòng 100%.

|                                                    | Số cuối năm          |          | Số đầu năm           |          |
|----------------------------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
|                                                    | Giá gốc              | Dự phòng | Giá gốc              | Dự phòng |
| Công ty TNHH E.T.N.T                               | 161.848.000          | -        | 161.848.000          | -        |
| Công ty TNHH Huy Quang                             | 362.293.380          | -        | 362.293.380          | -        |
| Trung tâm Phân tích & Kiểm Nghiệm Bình Định        | 25.263.050           | -        | 25.263.050           | -        |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng                 | 334.303.152          | -        | 334.303.152          | -        |
| Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Trọng Khôi | 600.000.000          | -        | 600.000.000          | -        |
| <b>Cộng</b>                                        | <b>1.483.707.582</b> | -        | <b>1.483.707.582</b> | -        |

### 7. Hàng tồn kho

|                       | Số cuối năm          |          | Số đầu năm           |          |
|-----------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
|                       | Giá gốc              | Dự phòng | Giá gốc              | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 3.048.496.544        | -        | 3.480.886.649        | -        |
| Công cụ, dụng cụ      | 40.293.032           | -        | 44.562.764           | -        |
| <b>Cộng</b>           | <b>3.088.789.576</b> | -        | <b>3.525.449.413</b> | -        |



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                                 | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u>  |
|---------------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ        | 9.251.251          | 19.306.206         |
| Chi phí bảo hiểm cháy nổ        | 38.072.748         | 85.663.683         |
| Chi phí thí nghiệm định kỳ      | 291.500.000        | 306.075.001        |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 47.509.917         | -                  |
| <b>Cộng</b>                     | <b>386.333.916</b> | <b>411.044.890</b> |

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

|                                            | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|--------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ                   | 1.603.749.246         | 2.637.101.378         |
| Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng (*) | 58.279.522.790        | 59.517.247.478        |
| Chi phí khoan khảo sát                     | 141.044.446           | 337.006.939           |
| Chi phí sơn đường ống bê tông cốt thép     | -                     | 1.006.847.568         |
| Chi phí sửa chữa đập chính và đập phụ      | -                     | 1.370.206.074         |
| Chi phí sửa chữa đường VH1, VH2            | 704.499.454           | 793.040.572           |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác         | -                     | 468.064.595           |
| <b>Cộng</b>                                | <b>60.728.815.936</b> | <b>66.129.514.604</b> |

- (\*) Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định canh và tái định cư phục vụ việc xây dựng công trình Nhà máy thủy điện Trà Xom được phân bổ trong thời gian 534 tháng (kể từ ngày 01/7/2013 hoàn thành công tác đền bù giải phóng mặt bằng đến hết thời gian thuê đất còn lại ngày 01/01/2058).

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỄN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

## 9. Tài sản cố định hữu hình

|                                  | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị    | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng                     |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------------|--------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                |                        |                        |                                 |                           |                      |                          |
| Số đầu năm                       | 684.679.965.448        | 368.339.935.373        | 7.414.961.613                   | 279.571.190               | 455.661.345          | 1.061.170.094.969        |
| Điều chỉnh theo hồ sơ quyết toán | 1.203.110.290          | 3.327.912.010          | -                               | -                         | -                    | 4.531.022.300            |
| Thanh lý, nhượng bán             | (244.200.000)          | -                      | -                               | -                         | -                    | (244.200.000)            |
| <b>Số cuối năm</b>               | <b>685.638.875.738</b> | <b>371.667.847.383</b> | <b>7.414.961.613</b>            | <b>279.571.190</b>        | <b>455.661.345</b>   | <b>1.065.456.917.269</b> |

*Trong đó:*

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Chờ thanh lý

## Giá trị hao mòn

|                      |                        |                        |                      |                    |                    |                        |
|----------------------|------------------------|------------------------|----------------------|--------------------|--------------------|------------------------|
| Số đầu năm           | 278.330.757.601        | 207.740.768.405        | 5.136.218.972        | 209.321.190        | 194.887.119        | 491.611.953.287        |
| Khấu hao trong năm   | 26.270.736.498         | 16.665.283.823         | 419.217.912          | 20.000.000         | 45.566.136         | 43.420.804.369         |
| Thanh lý, nhượng bán | (244.200.000)          | -                      | -                    | -                  | -                  | (244.200.000)          |
| <b>Số cuối năm</b>   | <b>304.357.294.099</b> | <b>224.406.052.228</b> | <b>5.555.436.884</b> | <b>229.321.190</b> | <b>240.453.255</b> | <b>534.788.557.656</b> |

## Giá trị còn lại

|                    |                        |                        |                      |                   |                    |                        |
|--------------------|------------------------|------------------------|----------------------|-------------------|--------------------|------------------------|
| Số đầu năm         | 406.349.207.847        | 160.599.166.968        | 2.278.742.641        | 70.250.000        | 260.774.226        | 569.558.141.682        |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>381.281.581.639</b> | <b>147.261.795.155</b> | <b>1.859.524.729</b> | <b>50.250.000</b> | <b>215.208.090</b> | <b>530.668.359.613</b> |

*Trong đó:*

Tạm thời chưa sử dụng  
Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 529.622.683.187 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

VOI H'HN

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****10. Tài sản cố định vô hình**

|                                          | <b>Quyền sử dụng<br/>đất lâu dài (*)</b> | <b>Quyền sử dụng<br/>đất có thời hạn<br/>(**)</b> | <b>Chương trình<br/>phần mềm<br/>máy tính</b> | <b>Cộng</b>           |
|------------------------------------------|------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                        |                                          |                                                   |                                               |                       |
| Số đầu năm                               | 8.717.871.300                            | 2.123.932.860                                     | 329.454.545                                   | 11.171.258.705        |
| <b>Số cuối năm</b>                       | <b>8.717.871.300</b>                     | <b>2.123.932.860</b>                              | <b>329.454.545</b>                            | <b>11.171.258.705</b> |
| <i>Trong đó:</i>                         |                                          |                                                   |                                               |                       |
| Đã khấu hao hết nhưng<br>vẫn còn sử dụng | -                                        | -                                                 | 329.454.545                                   | 329.454.545           |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                   |                                          |                                                   |                                               |                       |
| Số đầu năm                               | -                                        | 566.382.096                                       | 329.454.545                                   | 895.836.641           |
| Khấu hao trong năm                       | -                                        | 47.198.508                                        | -                                             | 47.198.508            |
| <b>Số cuối năm</b>                       |                                          | <b>613.580.604</b>                                | <b>329.454.545</b>                            | <b>943.035.149</b>    |
| <b>Giá trị còn lại</b>                   |                                          |                                                   |                                               |                       |
| Số đầu năm                               | 8.717.871.300                            | 1.557.550.764                                     | -                                             | 10.275.422.064        |
| <b>Số cuối năm</b>                       | <b>8.717.871.300</b>                     | <b>1.510.352.256</b>                              | -                                             | <b>10.228.223.556</b> |
| <i>Trong đó:</i>                         |                                          |                                                   |                                               |                       |
| Tạm thời không sử dụng                   |                                          |                                                   |                                               |                       |
| Đang chờ thanh lý                        |                                          |                                                   |                                               |                       |

(\*) Quyền sử dụng đất lâu dài tại số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang với diện tích là 420,09 m<sup>2</sup> được Công ty sử dụng để để xây dựng trụ sở làm việc.

(\*\*) Quyền sử dụng đất diện tích 392.352,63 m<sup>2</sup> tại xã Ninh Tây, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, thời hạn sử dụng đến 27/01/2054 để xây dựng nhà máy thủy điện Ea Krong Rou.

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Là chi phí xây dựng cơ bản đã tập hợp của Dự án nhà máy điện mặt trời Ea Krong Rou. Dự án hiện tại đang trong giai đoạn lập báo cáo bổ sung quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035, khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi và các báo cáo chuyên ngành của Dự án Nhà máy Điện mặt trời khu vực Nhà máy Thủy điện Ea Krong Rou, tỉnh Khánh Hòa, kết quả báo cáo đang chờ phê duyệt của Bộ Công Thương.

**12. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

Là giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế tại các nhà máy thủy điện.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****13. Phải trả người bán ngắn hạn**

|                              | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|------------------------------|----------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Lilama 45.3  | 2.490.344.700        | 2.490.344.700        |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1 | 1.646.040.205        | 1.646.040.205        |
| Andritz Hydro Private Ltd    | 600.505.467          | 600.505.467          |
| Các nhà cung cấp khác        | 1.043.809.573        | 892.289.735          |
| <b>Cộng</b>                  | <b>5.780.699.945</b> | <b>5.629.180.107</b> |

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                                         | Số đầu năm            |                   | Số phát sinh trong năm |                         | Số cuối năm           |          |
|-----------------------------------------|-----------------------|-------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------|----------|
|                                         | Phải nộp              | Phải thu          | Số phải nộp            | Số đã thực nộp          | Phải nộp              | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa              | 4.533.862.589         | -                 | 29.913.623.621         | (30.519.880.066)        | 3.927.606.144         | -        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp              | 2.267.102.381         | 50.168.149        | 15.912.528.265         | (12.355.132.187)        | 5.774.330.310         | -        |
| Thuế thu nhập cá nhân                   | 111.032.360           | -                 | 4.402.902.932          | (4.405.191.017)         | 108.744.275           | -        |
| Thuế tài nguyên nước                    | 3.582.751.569         | -                 | 22.971.065.981         | (23.402.369.310)        | 3.151.448.240         | -        |
| Tiền thuê đất                           | -                     | -                 | 32.162.691             | (32.162.691)            | -                     | -        |
| Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước | 1.381.065.310         | -                 | 2.365.199.000          | (2.365.199.000)         | -                     | -        |
| Phí dịch vụ môi trường rừng             | -                     | -                 | 8.870.849.964          | (8.416.046.622)         | 1.835.868.652         | -        |
| Lệ phí môn bài                          | -                     | -                 | 6.000.000              | (6.000.000)             | -                     | -        |
| <b>Cộng</b>                             | <b>11.875.814.209</b> | <b>50.168.149</b> | <b>84.474.332.454</b>  | <b>(81.501.980.893)</b> | <b>14.797.997.621</b> | <b>-</b> |

**Thuế giá trị gia tăng**

Nhóm Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Các công ty trong nhóm Công ty được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 37121000136 ngày 24 tháng 12 năm 2008 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện với thuế suất 15% trong 02 năm đầu kể từ khi dự án đi vào hoạt động (2007-2008), thuế suất 10% trong 13 năm tiếp theo (2009-2021), được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (2007-2010) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (2011-2019).
- Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 35101000025 ngày 02 tháng 05 năm 2007, sửa đổi lần 02 ngày 13 tháng 02 năm 2014 do UBND tỉnh Bình Định cấp, Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện với thuế suất 10% trong 15 năm đầu kể từ khi dự án đi vào hoạt động (2015-2029), được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (2015-2018) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (2019-2027).

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong nhóm Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### **Thuế tài nguyên**

Nhóm Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác thủy điện với mức 1.864,44 VND/KWh x thuế suất (5%) x Sản lượng.

### **Tiền thuê đất**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung được giảm 30% tiền sử dụng đất đối với diện tích 392.352,63 m<sup>2</sup> đất đang sử dụng tại xã Ninh Tây, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất do dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Theo thông báo số 13/GĐ của Chi cục thuế huyện Ninh Hòa ngày 11/01/2009).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung phải nộp tiền sử dụng đất cho các khu đất đang sử dụng với các mức như sau:

| <u>Diện tích đất</u>                       | <u>Mức tiền sử dụng đất</u> |
|--------------------------------------------|-----------------------------|
| - Phần diện tích 375.930,78 m <sup>2</sup> | 5.700 VND/m <sup>2</sup>    |
| - Phần diện tích 4.600,62 m <sup>2</sup>   | 17.100 VND/m <sup>2</sup>   |
| - Phần diện tích 2.767,40 m <sup>2</sup>   | 76.874 VND/m <sup>2</sup>   |
| - Phần diện tích 5.831,39 m <sup>2</sup>   | 92.834 VND/m <sup>2</sup>   |
| - Phần diện tích 1.418,96 m <sup>2</sup>   | 230.280 VND/m <sup>2</sup>  |
| - Phần diện tích 1.803,48 m <sup>2</sup>   | 200.640 VND/m <sup>2</sup>  |

Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom được miễn tiền thuê đất của dự án Nhà máy Thủy điện Trà Xom trong 15 năm kể từ ngày dự án hoàn thành đi vào hoạt động (2015-2029) theo Giấy chứng nhận đầu tư số 35101000025 thay đổi lần 2 ngày 13/02/2014.

### **Phí dịch vụ môi trường rừng**

Nhóm Công ty phải nộp phí dịch vụ môi trường đối với hoạt động khai thác thủy điện với mức 36 VND/KWh x Sản lượng.

### **Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước**

Nhóm Công ty phải nộp phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo thông báo của cơ quan thuế hàng năm.

### **Các loại thuế khác**

Nhóm Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

|                                                    | <b>Số cuối năm</b>   | <b>Số đầu năm</b>    |
|----------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| <i>Phải trả bên liên quan</i>                      | <i>2.366.000.000</i> | <i>2.574.000.000</i> |
| Chi phí hoạt động HĐQT, BKS (*)                    | 2.366.000.000        | 2.574.000.000        |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>        | <i>777.152.670</i>   | <i>6.351.403.618</i> |
| Chi phí lãi vay phải trả                           | 531.466.444          | 6.105.717.392        |
| Chi phí môi giới chuyển nhượng giảm phát thải CERs | 245.686.226          | 245.686.226          |
| <b>Cộng</b>                                        | <b>3.143.152.670</b> | <b>8.925.403.618</b> |

(\*) Theo Điều 6 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 22/4/2021 thông qua chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS), chi phí tổ chức đại hội đồng cổ đông, thù lao và thưởng HĐQT, BKS năm 2021 không vượt quá 2,5% lợi nhuận sau thuế.

**16. Phải trả ngắn hạn khác**

|                                                      | <b>Số cuối năm</b> | <b>Số đầu năm</b>  |
|------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Kinh phí công đoàn                                   | 290.758.430        | 275.740.380        |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 44.261.014         | 6.193.113          |
| Cổ tức phải trả các cá nhân                          | 484.718.802        | 399.082.002        |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác                     | 3.977.809          | 3.977.809          |
| <b>Cộng</b>                                          | <b>823.716.055</b> | <b>684.993.304</b> |

**17. Vay****17a. Vay ngắn hạn**

Là khoản vay dài hạn đến hạn trả của các ngân hàng bao gồm:

|                                                                  | <b>Số cuối năm</b>    | <b>Số đầu năm</b>     |
|------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa              | 5.730.000.000         | 5.797.500.000         |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Tài | -                     | 10.700.000.000        |
| Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định              | 14.400.000.000        | 14.400.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                                      | <b>20.130.000.000</b> | <b>30.897.500.000</b> |

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn đến hạn trả.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm như sau:

|                              | <b>Số cuối năm</b>    | <b>Số đầu năm</b>     |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm                   | 30.897.500.000        | 68.501.835.842        |
| Kết chuyển từ vay dài hạn    | 20.130.000.000        | 30.899.375.000        |
| Số tiền vay đã trả trong năm | (30.897.500.000)      | (49.303.710.842)      |
| Giảm khác (*)                | -                     | (19.200.000.000)      |
| <b>Cộng</b>                  | <b>20.130.000.000</b> | <b>30.897.500.000</b> |

(\*) Giảm do điều chỉnh lại lịch trả nợ với Ngân hàng



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 17b. Vay dài hạn

|                                                                                   | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <i>Vay dài hạn cá nhân bên liên quan</i>                                          | <i>11.900.000.000</i>  | -                      |
| Bà Nguyễn Thị Thêu <sup>(i)</sup>                                                 | 11.900.000.000         | -                      |
| <i>Vay dài hạn ngân hàng</i>                                                      | <i>129.114.762.455</i> | <i>199.428.525.813</i> |
| Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa <sup>(ii)</sup>               | 9.869.467.288          | 15.783.230.646         |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Tài <sup>(iii)</sup> | 64.402.699.419         | 114.402.699.419        |
| Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định <sup>(iv)</sup>               | 54.842.595.748         | 69.242.595.748         |
| <b>Cộng</b>                                                                       | <b>141.014.762.455</b> | <b>199.428.525.813</b> |

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay không có tài sản đảm bảo bà Nguyễn Thị Thêu để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 6,9%/năm, thời hạn vay 24 tháng theo từng khoản vay. Số tiền vay 25.000.000.000 VND, tiền độ giải ngân từ T8/2021 đến T5/2022 theo nhu cầu của bên vay.
- (ii) Khoản Công ty mẹ vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng tín dụng vốn ODA số 01/2005/TDNN ngày 05/01/2005 để đầu tư thiết bị điện, thiết bị cơ khí thủy lực cho dự án "Thủy điện Ea Krong Rou" với lãi suất vay 1,7%/năm tính trên số dư nợ vay, lãi chậm trả 3,4%/năm tính trên số nợ gồm cả gốc, lãi và phí quá hạn, thời hạn vay 20 năm, trong đó thời gian ân hạn 04 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý vào ngày 20 tháng cuối của quý, thanh toán lần đầu vào ngày 20 tháng 12 năm 2008. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là Nhà máy Thủy điện Ea Krong Rou theo hợp đồng thế chấp tài sản số 05/2009/HĐTCTS ngày 24/09/2009 (xem thuyết minh số V.9).
- (iii) Khoản Công ty con vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Tài (BIDV Phú Tài) theo hợp đồng tín dụng đầu tư số 01/2010/HDDH ngày 24/11/2010 để đầu tư dự án Nhà máy Thủy điện Trà Xom. Tổng hạn mức tín dụng là 160.000.000.000 VND, thời hạn vay là 09 năm (108 tháng) tính từ ngày 25/03/2016 theo Phụ lục điều chỉnh ngày 18/03/2014. Lãi vay được điều chỉnh 3 tháng/lần theo thông báo lãi suất của BIDV Phú Tài tại thời điểm điều chỉnh, mức lãi suất vay quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất vay áp dụng của năm 2021 là 9,8%/năm. BIDV Phú Tài và VDB Bình Định đã có biên bản thỏa thuận về mức đảm bảo cho khoản vay này là 54% giá trị tài sản hình thành trong tương lai thuộc Dự án Nhà máy Thủy điện Trà Xom sẽ thuộc về VDB Bình Định và 46% cho BIDV Phú Tài (xem thuyết minh số V.9). Trong năm, Nhóm công ty đã trả nợ trước hạn khoản vay này cho năm 2022 và một phần năm 2023.
- (iv) Khoản Công ty con vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định (VDB Bình Định) theo hợp đồng tín dụng đầu tư số 112/2008/HĐTĐĐT-NHPT ngày 30/10/2008 và các hợp đồng tín dụng đầu tư sửa đổi, bổ sung để đầu tư dự án Nhà máy Thủy điện Trà Xom. Tổng hạn mức tín dụng là 186.000.000.000 VND, thời hạn vay là 177 tháng (14 năm 09 tháng) kể từ ngày rút vốn lần đầu (ngày 17/03/2009). Mức lãi suất vay được quy định theo các hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng tín dụng sửa đổi (lãi suất trong hạn trên hợp đồng gốc là 11,4%/năm, mức lãi suất vay quá hạn là 17,1%/năm). Mức lãi suất đang áp dụng tại thời điểm 31/12/2021 là 6,9%/năm và lãi suất quá hạn là 10,35%/năm, trong đó quy định tại hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung tại ngày 31/12/2015: từ tháng 01/2016 trở đi thứ tự thu nợ gốc được ưu tiên thu vào khoản nợ vay 10,35% trước). Tài sản thế chấp là các tài sản hình thành trong tương lai thuộc Dự án Nhà máy Thủy điện Trà Xom với tổng giá trị 496.320.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 111/2008/HĐTCTS-NHPT ngày 30/10/2008 (xem thuyết minh số V.9).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

|                      | <b>Số cuối năm</b>     | <b>Số đầu năm</b>      |
|----------------------|------------------------|------------------------|
| Từ 1 năm trở xuống   | 20.130.000.000         | 30.897.500.000         |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 141.014.762.455        | 187.785.930.065        |
| Trên 5 năm           | -                      | 11.642.595.748         |
| <b>Cộng</b>          | <b>161.144.762.455</b> | <b>230.326.025.813</b> |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

|                                                  | <b>Năm nay</b>         | <b>Năm trước</b>       |
|--------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Số đầu năm                                       | 199.428.525.813        | 211.163.250.014        |
| Số tiền vay phát sinh trong năm                  | 11.900.000.000         | -                      |
| Tăng khác                                        | -                      | 19.200.000.000         |
| Số tiền vay đã trả trong năm                     | (50.000.000.000)       | -                      |
| Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm | (183.763.358)          | -                      |
| Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn               | (20.130.000.000)       | (30.899.375.000)       |
| Giảm khác                                        | -                      | (35.349.201)           |
| <b>Cộng</b>                                      | <b>141.014.762.455</b> | <b>199.428.525.813</b> |

**17c. Vay quá hạn chưa thanh toán**

Nhóm Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

|                                | <b>Quỹ khen thưởng</b> | <b>Quỹ phúc lợi</b>  | <b>Cộng</b>          |
|--------------------------------|------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm                     | 4.247.029.470          | 1.691.867.808        | 5.938.897.278        |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận | 3.740.392.651          | 2.453.730.677        | 6.194.123.328        |
| Tăng khác (*)                  | 3.613.689.057          | -                    | 3.613.689.057        |
| Chi quỹ trong năm              | (4.925.554.833)        | (2.368.666.550)      | (7.294.221.383)      |
| Giảm khác                      | (112.526.977)          | -                    | (112.526.977)        |
| <b>Số cuối năm</b>             | <b>6.563.029.368</b>   | <b>1.776.931.935</b> | <b>8.339.961.303</b> |

(\*) Xem thuyết minh số V.19a.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 19. Vốn chủ sở hữu

#### 19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

|                                                       | Vốn góp của<br>chủ sở hữu | Quỹ đầu tư<br>phát triển | Quỹ khác thuộc<br>vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế<br>chưa phân phối | Lợi ích của cổ đông<br>không kiểm soát | Cộng                   |
|-------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm nay                                     | 319.999.690.000           | 5.131.317.454            | 2.531.788.352                    | 68.031.889.392                       | 109.067.774.486                        | 504.762.459.684        |
| Cổ đông góp vốn bằng tiền                             | -                         | -                        | -                                | -                                    | 7.000.000.000                          | 7.000.000.000          |
| Thay đổi tỷ lệ lợi ích do cty con<br>tăng vốn điều lệ | -                         | 383.095.664              | 175.541.896                      | 1.924.099.596                        | (2.482.737.155)                        | -                      |
| Lợi nhuận trong năm                                   | -                         | -                        | -                                | 118.294.975.098                      | 3.246.958.297                          | 121.541.933.396        |
| Tạm trích quỹ 2020                                    | -                         | -                        | -                                | (5.539.520.750)                      | -                                      | (5.539.520.750)        |
| Chia cổ tức bổ sung năm 2019                          | -                         | -                        | -                                | (41.599.959.700)                     | -                                      | (41.599.959.700)       |
| Tạm ứng cổ tức năm 2020                               | -                         | -                        | -                                | (79.999.922.500)                     | -                                      | (79.999.922.500)       |
| <b>Số dư cuối năm trước</b>                           | <b>319.999.690.000</b>    | <b>5.514.413.118</b>     | <b>2.707.330.248</b>             | <b>61.111.561.137</b>                | <b>116.831.995.628</b>                 | <b>506.164.990.130</b> |
| Số dư đầu năm nay                                     | 319.999.690.000           | 5.514.413.118            | 2.707.330.248                    | 61.111.561.137                       | 116.831.995.628                        | 506.164.990.130        |
| Lợi nhuận trong năm nay                               | -                         | -                        | -                                | 148.558.700.100                      | 15.328.339.705                         | 163.887.039.805        |
| Điều chuyển quỹ(*)                                    | -                         | (5.504.687.340)          | (2.522.354.962)                  | 5.504.687.340                        | (1.091.334.095)                        | (3.613.689.057)        |
| Trích lập quỹ khen thưởng,<br>phúc lợi                | -                         | -                        | -                                | (6.031.775.413)                      | (162.347.915)                          | (6.194.123.328)        |
| Chia cổ tức bổ sung năm 2020                          | -                         | -                        | -                                | (25.599.975.200)                     | -                                      | (25.599.975.200)       |
| Tạm ứng cổ tức năm 2021                               | -                         | -                        | -                                | (79.999.922.500)                     | -                                      | (79.999.922.500)       |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>                             | <b>319.999.690.000</b>    | <b>9.725.778</b>         | <b>184.975.286</b>               | <b>103.543.275.464</b>               | <b>130.906.653.323</b>                 | <b>554.644.319.850</b> |

(\*) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2021 của Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom (Công ty con) đã thông qua việc điều chuyển quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 chuyển sang quỹ khen thưởng, phúc lợi, số tiền 3.613.689.057 VND; Điều chuyển quỹ Đầu tư phát triển đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 sang Lợi nhuận chưa phân phối, số tiền 7.886.371.547 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****19b. Cổ phiếu**

|                                           | <b>Số cuối năm</b> | <b>Số đầu năm</b> |
|-------------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành       | 31.999.969         | 31.999.969        |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành  | 31.999.969         | 31.999.969        |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại  | -                  | -                 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 31.999.969         | 31.999.969        |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**19c. Phân phối lợi nhuận****Phân phối lợi nhuận năm 2020**

Trong năm, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

|                                                                                                                     | <b>VND</b>     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| • Chia bổ sung cổ tức năm 2020 (tỷ lệ 8%, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 22/4/2021) | 25.599.975.200 |

**Tạm phân phối lợi nhuận năm 2021**

Trong năm, Công ty mẹ đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2021 trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 22 tháng 4 năm 2021 như sau:

(Mức cổ tức dự kiến năm 2021 là 25%, tương đương 2.500 VND/cổ phiếu)

|                                                                                                                | <b>VND</b>     |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| • Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi (5%)                                                                      | 5.656.547.451  |
| • Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 (tỷ lệ 7%, theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 84CT/HĐQT ngày 22/4/2021)  | 22.399.978.300 |
| • Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2021 (tỷ lệ 10%, theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 91CT/HĐQT ngày 21/7/2021) | 31.999.969.000 |
| • Tạm ứng cổ tức đợt 3 năm 2021 (tỷ lệ 7%, theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 94CT/HĐQT ngày 15/11/2021) | 25.599.975.200 |

Trong năm, Công ty con đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 ngày 21 tháng 04 năm 2021 như sau:

|                                        | <b>VND</b>  |
|----------------------------------------|-------------|
| • Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (5%) | 537.575.877 |



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Là doanh thu bán điện cho bên liên quan là Tổng Công ty Điện lực miền Trung (Cổ đông lớn).

**2. Giá vốn hàng bán**

Là giá vốn sản xuất điện.

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                                                                             | <b>Năm nay</b>       | <b>Năm trước</b>     |
|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn                                                      | 2.458.345.491        | 2.373.969.154        |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn                                                   | 18.359.187           | 16.715.234           |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh                                             | 34.687.500           | -                    |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 183.763.358          | 35.349.201           |
| Lãi ứng trước tiền cổ tức                                                   | -                    | 126.601.000          |
| <b>Cộng</b>                                                                 | <b>2.695.155.536</b> | <b>2.552.634.589</b> |

**4. Chi phí tài chính**

|                                | <b>Năm nay</b>        | <b>Năm trước</b>      |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay                | 14.465.342.646        | 21.134.933.381        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 1.250.000             | 9.062.500             |
| <b>Cộng</b>                    | <b>14.466.592.646</b> | <b>21.143.995.881</b> |

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                            | <b>Năm nay</b>        | <b>Năm trước</b>      |
|--------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí cho nhân viên                      | 5.891.932.435         | 6.153.565.494         |
| Chi phí vật liệu quản lý                   | 71.360.447            | 10.337.314            |
| Chi phí đồ dùng văn phòng                  | 60.815.558            | 114.356.257           |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định           | 455.538.448           | 440.599.172           |
| Thuế, phí và lệ phí                        | 35.709.675            | 26.405.051            |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                  | 402.171.494           | 392.916.865           |
| Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS | 3.250.519.456         | 2.756.053.288         |
| Các chi phí khác                           | 984.047.389           | 1.610.970.097         |
| <b>Cộng</b>                                | <b>11.152.094.902</b> | <b>11.505.203.538</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****6. Thu nhập khác**

Là Thu nhập bán chứng chỉ giảm phát thải CERs

**7. Chi phí khác**

|                                              | Năm nay            | Năm trước          |
|----------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Phí tư vấn bán chứng chỉ giảm phát thải CERs | 53.895.777         | 42.732.003         |
| Thuế bị phạt, bị truy thu                    | 54.099.982         | 134.992.193        |
| Chi phí khác                                 | 3.320.454          | 22.268             |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>111.316.213</b> | <b>177.746.464</b> |

**8. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

|                                                                             | Năm nay <sup>(ii)</sup> | Năm trước <sup>(i)</sup> |
|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ     | 148.558.700.100         | 118.294.975.098          |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi                                             | (7.472.573.751)         | (5.914.748.712)          |
| Tại Công ty mẹ                                                              | (5.656.547.451)         | (5.539.520.750)          |
| Tại Công ty con                                                             | (1.816.026.300)         | (375.227.962)            |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu                            | 141.086.126.350         | 112.380.226.386          |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 31.999.969              | 31.999.969               |
| <b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>                                    | <b>4.409</b>            | <b>3.512</b>             |

- (i) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại, giảm từ 3.524 VND xuống còn 3.512 VND, do xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tại Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2021.
- (ii) Để phục vụ mục đích trình bày chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay, quỹ khen thưởng, phúc lợi tại Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom được tạm tính theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế năm nay. Tỷ lệ này được xác định theo mức trích của năm trước.

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                                         | Năm nay                | Năm trước              |
|-----------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu           | 1.055.307.613          | 1.177.581.186          |
| Chi phí nhân công                       | 23.477.800.745         | 22.867.885.881         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định        | 43.468.002.877         | 43.947.843.822         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài               | 4.851.198.384          | 6.001.566.419          |
| Phí dịch vụ môi trường rừng             | 8.870.849.964          | 7.076.378.268          |
| Thuế tài nguyên nước                    | 22.971.065.981         | 18.324.281.525         |
| Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước | 2.365.199.000          | 2.623.074.000          |
| Chi phí khác                            | 7.455.407.846          | 9.170.264.642          |
| <b>Cộng</b>                             | <b>114.514.832.410</b> | <b>111.188.875.743</b> |



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với nhóm Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, bộ phận Kiểm toán nội bộ và Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

|                                                     | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------------------------------|----------------|------------------|
| <b><i>Chia cổ tức</i></b>                           |                |                  |
| Ông Đinh Quang Chiến                                | 18.978.720.000 | 28.847.654.400   |
| Ông Nguyễn Hoài Nam                                 | 60.800.000     | 92.416.000       |
| Bà Đinh Thu Thủy                                    | 19.133.000.000 | 29.082.160.000   |
| Ông Vũ Quang Sáng                                   | 30.400.000     | 46.208.000       |
| Ông Nguyễn Minh Tiến                                | 386.460.000    | 587.419.200      |
| <b><i>Thu lãi ứng trước cổ tức</i></b>              |                |                  |
| Ông Đinh Quang Chiến                                | -              | 62.153.000       |
| Bà Đinh Thu Thủy                                    | -              | 64.448.000       |
| <b><i>Bà Nguyễn Thị Thêu – Vợ Chủ tịch HĐQT</i></b> |                |                  |
| Cho Công ty con vay                                 | 11.900.000.000 | -                |
| Lãi vay phải trả                                    | 137.635.833    | -                |

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.5 và V.17.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Ban kiểm soát*

|                                                            | <b>Tiền lương</b>    | <b>Thù lao</b>       | <b>Tiền thưởng</b>   | <b>Cộng</b>          |
|------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Năm nay</b>                                             |                      |                      |                      |                      |
| Ông Đinh Quang Chiến - Chủ tịch HĐQT                       | -                    | 216.000.000          | 580.000.000          | 796.000.000          |
| Ông Nguyễn Hoài Nam - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc   | 545.552.000          | 168.000.000          | 500.000.000          | 1.213.552.000        |
| Ông Vũ Quang Sáng - Thành viên HĐQT                        | -                    | 96.000.000           | 400.000.000          | 496.000.000          |
| Bà Đinh Thu Thủy - Thành viên HĐQT                         | -                    | 96.000.000           | 400.000.000          | 496.000.000          |
| Ông Nguyễn Minh Tiến - Thành viên HĐQT kiêm phụ trách KTNB | -                    | 168.000.000          | 400.000.000          | 568.000.000          |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Thư - Thành viên HĐQT                  | -                    | 96.000.000           | 400.000.000          | 496.000.000          |
| Ông Trịnh Giang Nam - Trưởng BKS                           | 348.793.000          | 96.000.000           | 335.000.000          | 779.793.000          |
| Ông Lê Kỳ Anh - Thành viên BKS                             | -                    | 72.000.000           | 210.000.000          | 282.000.000          |
| Ông Bạch Đức Huyền - Thành viên BKS                        | -                    | 100.000.000          | 210.000.000          | 310.000.000          |
| Bà Lữ Thị Chính - Thành viên Bộ phận KTNB                  | 234.083.000          | 48.000.000           | 245.032.000          | 527.115.000          |
| Bà Nguyễn Thị Phương Lan - TV BP KTNB                      | 234.473.420          | -                    | 66.084.000           | 300.557.420          |
| <b>Cộng</b>                                                | <b>1.362.901.420</b> | <b>1.156.000.000</b> | <b>3.746.116.000</b> | <b>6.265.017.420</b> |
| <b>Năm trước</b>                                           |                      |                      |                      |                      |
| Ông Đinh Quang Chiến - Chủ tịch HĐQT                       | -                    | 264.000.000          | 530.000.000          | 794.000.000          |
| Ông Nguyễn Hoài Nam - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc   | 560.908.000          | 204.000.000          | 450.000.000          | 1.214.908.000        |
| Ông Vũ Quang Sáng - Thành viên HĐQT                        | -                    | 96.000.000           | 360.000.000          | 456.000.000          |
| Bà Đinh Thu Thủy - Thành viên HĐQT                         | -                    | 96.000.000           | 360.000.000          | 456.000.000          |
| Ông Nguyễn Minh Tiến - Thành viên HĐQT                     | -                    | 168.000.000          | 360.000.000          | 528.000.000          |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Thư - Thành viên HĐQT                  | -                    | 96.000.000           | 360.000.000          | 456.000.000          |
| Ông Trịnh Giang Nam - Trưởng BKS                           | 357.765.000          | 96.000.000           | 300.000.000          | 753.765.000          |
| Ông Lê Kỳ Anh - Thành viên BKS                             | -                    | 72.000.000           | 180.000.000          | 252.000.000          |
| Ông Bạch Đức Huyền - Thành viên BKS                        | -                    | 72.000.000           | 180.000.000          | 252.000.000          |
| <b>Cộng</b>                                                | <b>918.673.000</b>   | <b>1.164.000.000</b> | <b>3.080.000.000</b> | <b>5.162.673.000</b> |

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Bên liên quan khác với nhóm Công ty chỉ có Tổng Công ty Điện lực miền Trung là cổ đông lớn.

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch bán hàng đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, nhóm Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với bên liên quan khác như sau:

|                                         | <b>Năm nay</b> | <b>Năm trước</b> |
|-----------------------------------------|----------------|------------------|
| <b>Tổng Công ty Điện lực miền Trung</b> |                |                  |
| Chia cổ tức                             | 25.344.000.000 | 25.344.000.000   |



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.3.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

### 2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 14 tháng 3 năm 2022

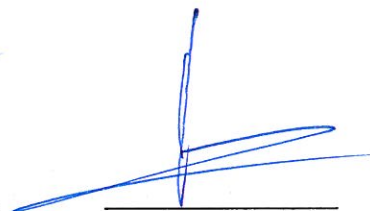
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Thanh Vân



Lê Quang Đạo



Nguyễn Hoài Nam

